

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sự giằng co khi tiếp cận vùng kháng cự cũ 1,730 – 1740 trở nên càng rõ ràng trong ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,737.24 điểm, tăng hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, nhưng nhìn chung các ngành không có thay đổi đáng kể so với hôm qua. Ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Xu hướng giằng co vẫn chiếm ưu thế. Trong ngắn hạn, chỉ số có thể tích lũy thêm trong vùng 1,730 – 1,740 để lấy đà bật lên.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411IG6000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 04/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.47** điểm, đóng cửa tại **1737.24** điểm. HNX-Index **+2.64** điểm, đóng cửa tại **262.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+2.17)**, **HPG (+0.88)**, **VPL (+0.82)**, **TCB (+0.80)**, **HDB (+0.62)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.06)**, **VHM (-1.45)**, **VJC (-1.02)**, **VNM (-0.55)**, **BID (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,669** tỷ đồng, tăng **0.57%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,586 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.48 điểm. Thị trường có **217** mã tăng, 65 mã tham chiếu, **91** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1042.37** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (1001.72 tỷ)**, **HPG (160.85 tỷ)**, **VIC (125.98 tỷ)**, **TCB (94.94 tỷ)**, **MWG (68.37 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **37.40** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.80%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+4.68%) ([Link báo cáo](#))
HDB (+2.17%) ([Link báo cáo](#))
PDR (+2.03%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+3.46%) ([Link báo cáo](#))
DXG (+3.23%) ([Link báo cáo](#))
DIG (+2.97%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.80%	0.46%	0.32%	0.38%
1 tuần	1.26%	0.21%	3.14%	3.04%
1 tháng	1.13%	-1.03%	5.16%	4.31%
3 tháng	-3.24%	-6.95%	4.22%	7.26%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,737.24	262.31	120.94
% 1D	0.32%	1.02%	0.65%
GTKL (tỷ VND)	22,669	1,564	438
%1D	0.57%	24.20%	-40.24%
GDNN (tỷ VND)	1042.37	37.40	5.89

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	1,001.72	VHM	-122.66
HPG	160.85	MSN	-85.53
VIC	125.98	VIX	-67.70
TCB	94.94	SHB	-62.03
MWG	68.37	VCB	-54.43

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

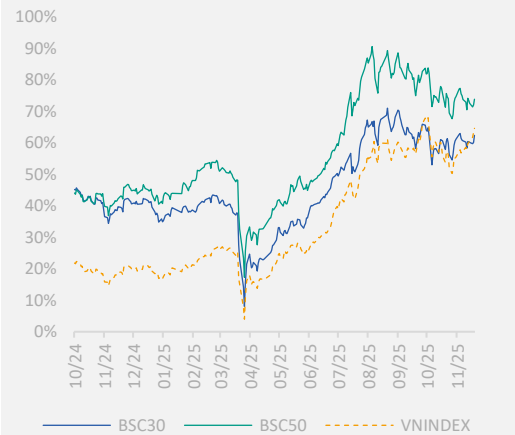
		%D	%W
SPX	6,850	0.30%	1.24%
FTSE100	9,678	-0.15%	-0.17%
Eurostoxx	5,723	0.44%	1.14%
Shanghai	3,876	-0.06%	0.01%
Nikkei	51,028	2.33%	1.76%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.85	0.15%
Giá vàng	4,190	-1.07%
Tỷ giá		
USD/VND	26,409	0.00%
EUR/VND	31,542	0.24%
JPY/VND	174	0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.00%
LS LNH 1M	7.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

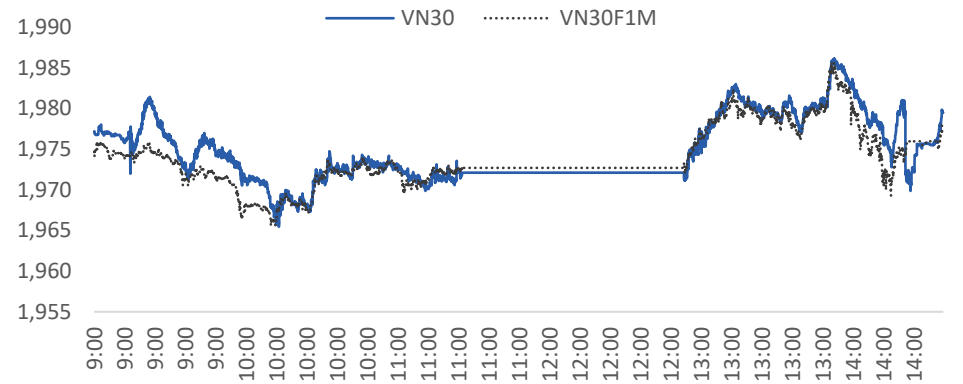
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1974.90	0.15%	389	-3.2%	15/01/2026	42
41I1G6000	1968.60	-0.26%	20	-80.6%	18/06/2026	196
VN30F2512	1977.00	0.25%	211,357	-0.7%	18/12/2025	14
41I1G3000	1970.90	0.10%	36	-78.95%	19/03/2026	105

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +7.54 điểm, đóng cửa tại 1979.53 điểm. Biên độ dao động 20.71 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MBB, FPT, MWG, LPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2510	23/02/2026	81	5,000	43.80%	131.45	410	64.0%	0.00	140.20	97.50	97.50
CVRE2515	23/12/2025	19	5,000	-11.63%	24.00	3,200	60.0%	5.23	30.40	34.40	34.40
CFPT2524	25/06/2026	203	355,300	36.21%	117.47	620	40.9%	0.11	132.81	97.50	97.50
CMBB2519	9/03/2026	95	1,056,600	13.39%	26.60	1,270	30.9%	0.69	29.14	25.70	25.70
CVHM2515	23/12/2025	19	5,000	-8.37%	61.00	7,080	26.4%	8.87	96.40	105.20	105.20
CMBB2514	23/12/2025	19	600	-1.86%	18.00	3,210	23.9%	3.44	25.22	25.70	25.70
CLPB2505	5/01/2026	32	100	8.78%	36.69	4,290	22.9%	3.24	53.85	49.50	49.50
CHPG2535	25/03/2026	111	490,100	15.31%	29.70	890	21.9%	0.64	31.48	27.30	27.30
CMBB2513	15/12/2025	11	159,400	-0.31%	19.50	4,080	21.4%	4.15	25.62	25.70	25.70
CMBB2522	16/10/2026	316	102,900	31.36%	29.00	1,190	20.2%	0.54	33.76	25.70	25.70
CMBB2518	23/02/2026	81	2,115,900	0.39%	21.75	2,700	18.9%	2.91	25.80	25.70	25.70
CFPT2523	25/03/2026	111	53,900	26.17%	116.59	260	18.2%	0.05	123.02	97.50	97.50
CMBB2515	23/03/2026	109	313,000	2.26%	20.25	2,680	18.1%	2.60	26.28	25.70	25.70
CMBB2509	12/01/2026	39	205,000	0.33%	18.38	4,940	17.6%	4.95	25.79	25.70	25.70
CMBB2510	13/04/2026	130	3,900	3.02%	18.38	5,400	17.4%	5.12	26.48	25.70	25.70
CMBB2507	5/02/2026	63	354,900	0.68%	18.00	5,250	17.2%	5.23	25.88	25.70	25.70
CSSB2506	3/02/2026	61	13,200	20.08%	20.56	350	16.7%	0.05	21.26	17.70	17.70
CMBB2511	20/05/2026	167	3,410,800	2.11%	18.75	3,330	16.4%	3.32	26.24	25.70	25.70
CMWG2524	8/09/2026	278	100	22.82%	89.30	4,020	16.2%	2.55	105.38	85.80	85.80
CTCB2509	15/12/2025	11	1,777,300	-0.10%	33.12	1,150	16.2%	1.25	35.36	35.40	35.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 04/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2510 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 64.00%. CMBB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.24%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CFPT2503, CSTB2533 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.30	1.87%	3.23
MBB	25.70	4.68%	3.19
FPT	97.50	0.93%	1.95
MWG	85.80	1.30%	1.85
LPB	49.50	1.85%	1.71

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	206.00	-3.74%	-3.07
VIC	267.00	-0.89%	-2.16
VNM	63.40	-1.86%	-1.48
VHM	105.20	-1.50%	-1.31
MSN	79.90	-0.87%	-0.90

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	25.70	4.68%	2.17	8.05
HPG	27.30	1.87%	0.88	7.68
VPL	102.00	2.00%	0.82	1.79
TCB	35.40	1.43%	0.80	7.09
HDB	32.95	2.17%	0.62	3.86

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	71.90	2.71%	1.02	0.90
KSV	128.20	4.06%	0.61	0.20
SHS	22.00	2.80%	0.32	0.90
MBS	29.40	1.73%	0.17	0.59
PVS	33.10	1.85%	0.17	0.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	9.80	6.99%	0.01	0.16
TNI	5.83	6.97%	0.00	0.10
VRC	13.10	6.94%	0.01	0.01
EVG	8.79	6.93%	0.03	1.29
HRC	27.85	6.91%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
POT	25.60	9.87%	0.19	0.04
VTC	24.70	9.78%	0.04	0.00
CKV	17.10	9.62%	0.03	0.01
PTX	25.30	9.52%	0.06	0.00
KSD	4.70	9.30%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	267.00	-0.89%	-2.06	3.88
VHM	105.20	-1.50%	-1.45	4.11
VJC	206.00	-3.74%	-1.02	0.59
VNM	63.40	-1.86%	-0.55	2.09
BID	38.20	-0.52%	-0.31	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	177.20	-4.22%	-0.04	0.01
VCS	48.20	-0.62%	-0.03	0.16
DL1	6.50	-4.41%	-0.02	0.11
VMS	32.40	-9.75%	-0.02	0.01
HGM	250.20	-0.71%	-0.01	0.01

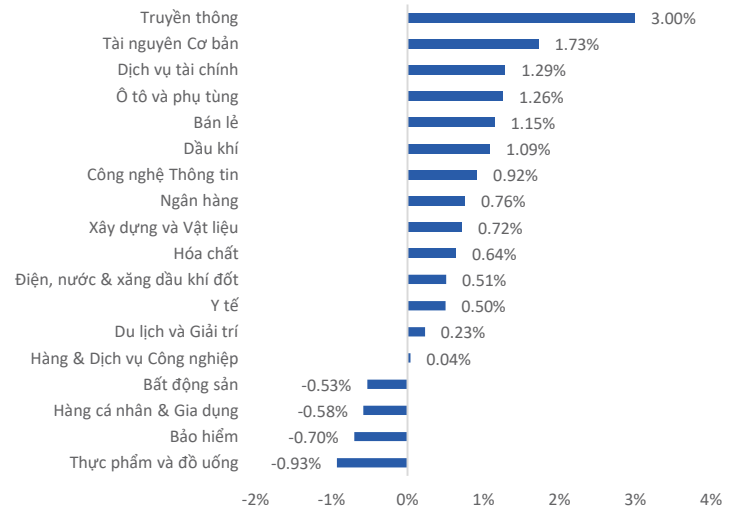
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSI	23.25	-7.00%	0.00	0.05
FUEIP100	12.20	-6.80%	0.00	0.01
SC5	15.60	-6.59%	0.00	0.00
ITD	15.00	-4.46%	0.00	0.07
NHT	10.00	-3.85%	0.00	0.01

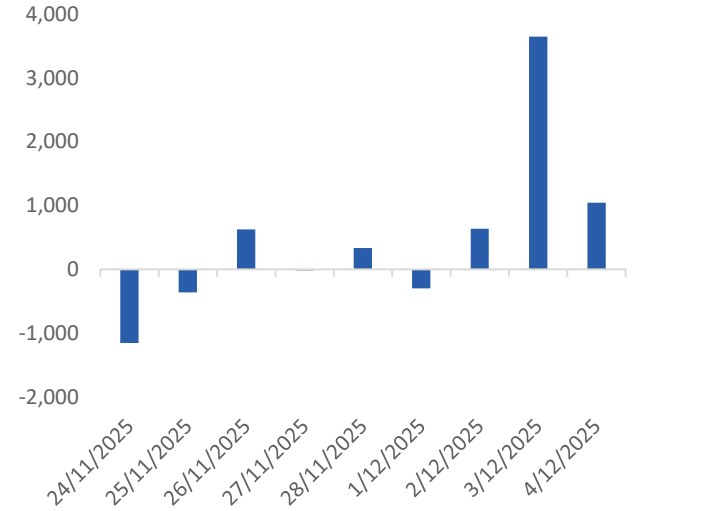
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	32.40	-9.75%	-0.11	0.00
TJC	12.50	-8.76%	-0.04	0.00
TKU	13.30	-8.28%	-0.20	0.00
PGT	7.90	-8.14%	-0.02	0.00
GIC	14.00	-7.89%	-0.05	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.8	1.3%	1.3	125,225	769.5	3,955	21.4	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.6	1.7%	1.5	32,914	111.5	1,872	18.7	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.5	0.7%	1.3	38,380	165.1	857	39.9	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.6	2.0%	1.9	21,703	219.8	211	105.0	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	105.2	-1.5%	0.9	438,672	484.5	6,133	17.4	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.5	0.9%	0.7	164,559	812.4	5,280	18.3	118,700	38.9%	Link
BSR	Dầu khí	15.5	1.0%	0.0	76,612	45.0	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	1.9%	1.5	16,621	147.1	2,841	11.4	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	1.3%	1.4	24,515	246.3	1,388	16.4		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.8	1.4%	1.4	67,156	1152.2	1,882	17.2		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.1	1.2%	1.3	25,038	411.4	1,589	21.8		15.0%	
DCM	Hóa chất	34.3	1.0%	1.3	17,947	39.6	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	97.0	0.0%	1.1	36,839	174.4	8,296	11.7	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	1.8%	0.9	125,591	309.7	3,385	7.2	28,400	29.1%	Link
BID	Ngân hàng	38.2	-0.5%	0.9	269,620	78.8	3,781	10.2	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	52.0	0.0%	1.2	279,240	397.3	6,208	8.4	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	33.0	2.2%	1.2	124,466	495.8	3,653	8.8	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	25.7	4.7%	1.2	197,750	2078.3	3,017	8.1	29,300	20.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.0	-0.8%	1.0	40,716	502.6	1,729	7.6	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.2	1.0%	1.0	93,695	488.6	6,519	7.6		14.9%	
TCB	Ngân hàng	35.4	1.4%	1.1	247,310	450.0	3,112	11.2	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.6	1.4%	1.3	48,130	286.3	2,358	7.4	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	58.9	0.0%	0.9	492,149	183.4	4,202	14.0	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.9	0.5%	0.9	63,995	134.1	2,225	8.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.3	0.0%	1.3	240,001	593.7	2,603	11.6	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	1.9%	1.3	205,702	955.0	1,876	14.3	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	0.9%	1.5	10,370	46.9	1,178	14.2	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.4	-0.7%	1.2	10,622	155.7	4,150	6.7	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.9	-0.9%	1.3	116,541	464.6	2,196	36.7	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.4	-1.9%	0.6	135,011	379.3	4,160	15.5	64,500	50.3%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.0	-1.57%	1.4	9,886	142.7	2,411	18.5	22.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	158.5	2.19%	0.7	26,414	128.9	3,620	42.9	32.3%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.8	-1.12%	1.1	39,640	18.5	3,578	14.9	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.8	2.97%	1.6	16,088	257.3	509	39.7	4.1%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.2	3.23%	1.6	18,900	389.0	401	46.3	20.1%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.5	1.29%	1.6	5,413	43.5	3,057	8.9	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.9	1.27%	1.6	11,654	54.9	938	33.6	21.0%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.2	1.82%	1.5	14,611	111.0	4,849	7.9	11.1%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.1	0.00%	1.5	17,516	64.5	2,150	16.8	45.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.9	-0.89%	1.1	13,655	19.6	5,474	10.3	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.4	0.48%	1.2	5,625	8.3	1,763	17.7	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.8	2.22%	1.7	18,516	153.9	801	25.4	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	267.0	-0.89%	0.9	1,038,002	2191.6	2,287	117.8	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.4	-0.29%	1.1	78,395	225.9	2,144	16.1	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.0	0.41%	1.2	7,803	6.9	1,833	20.1	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.0	1.01%	0.9	43,962	61.0	2,090	16.6	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.6	1.92%	1.1	14,481	215.7	1,602	16.3	8.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.0	1.38%	1.3	11,279	26.5	1,262	25.8	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.4	1.73%	1.7	19,036	112.7	1,675	17.3	5.1%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	0.78%	0.9	155,635	66.5	5,014	12.9	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	1.35%	1.2	34,777	138.8	812	18.3	3.8%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.9	-0.47%	0.6	34,774	24.2	4,776	13.4	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	206.0	-3.74%	0.8	126,605	535.2	2,897	73.9	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.2	0.33%	1.8	41,555	359.1	2,313	19.9	7.8%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.1	-0.96%	1.2	26,741	98.5	3,500	17.9	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.5	0.33%	0.9	10,351	109.9	6,185	9.9	6.9%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.0	1.33%	1.1	8,811	125.6	2,090	9.0	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.8	0.00%	0.0	12,276	31.3	3,139	32.1	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.3	-1.20%	1.1	31,181	28.0	6,917	13.2	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	0.54%	1.0	3,115	37.8	2,535	11.0	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	0.52%	1.5	2,485	17.1	2,870	6.7	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.6	1.07%	1.2	15,842	58.0	1,212	19.2	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.9	0.54%	1.4	110,800	62.6	1,569	17.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	-0.22%	1.2	42,004	1025.7	1,635	13.8	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.5	1.85%	0.4	145,182	60.1	3,469	14.0	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.6	-1.68%	0.0	25,478	143.7	2,337	6.4	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.6	0.00%	0.8	33,421	19.2	1,460	8.6	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	1.56%	1.4	7,184	72.6	571	28.1	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.9	0.17%	1.3	7,668	29.3	2,829	10.2	3.9%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.8	-0.44%	0.5	10,306	132.8	1,715	19.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.9	-1.93%	0.5	66,565	150.2	3,373	15.4	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	0.17%	1.0	12,906	39.6	6,944	8.3	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	164.5	3.46%	0.4	13,016	17.1	14,639	10.9	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.1	-1.06%	1.3	8,622	45.1	6,560	13.0	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.0	0.46%	1.1	10,020	30.6	5,128	17.1	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.8	1.04%	1.5	4,370	20.6	3,037	14.3	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.5	0.69%	1.4	7,163	73.9	1,106	13.0	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	-0.22%	1.0	9,562	88.9	1,377	16.9	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.4	1.24%	1.1	15,580	161.3	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.3	0.34%	1.5	19,795	24.8	3,090	14.3	2.8%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>